

# Declaração Sobre Postagem Internacional

## Bản kê hàng hóa đối với bưu chính quốc tế

Leia todos os itens abaixo, depois de confirmar todos os itens **marque todas as caixas de seleção** , **preencha o campo da data e da assinatura**.

Vui lòng đọc các mục dưới đây và **đánh dấu kiểm** , **ghi ngày tháng năm, ký tên** vào tất cả các mục để xác nhận đã kiểm tra.

### Electronic Advance Data (EAD)

Ao enviar mercadorias por correio internacional, é obrigatório o envio de "Eletronic Advance Data" (EAD), e ao enviar para algum estado-membro da UE e outros, recomendamos o envio dos códigos HS dos itens de conteúdo, como EAD, conforme exigências das autoridades alfandegárias dos países/regiões em questão. Utilize o serviço "Minha Página" do Correio Internacional para enviar esses dados.

**\*Se as autoridades alfandegárias do país/região de destino julgarem que os dados em questão são insuficientes ou incorretos, há o risco de atraso ou devolução do item (neste caso, o valor da postagem não será reembolsado).** Insira os dados de forma precisa e detalhada.

Khi gửi vật phẩm qua đường bưu điện quốc tế bắt buộc phải gửi "Electronic Advance Data (EAD)". Hơn nữa khi gửi đi các nước thành viên Liên minh Châu Âu, v.v. thì dựa trên yêu cầu của hải quan của quốc gia, khu vực, chúng tôi khuyên bạn nên gửi mã HS của nội dung hàng gửi dưới dạng EAD. Vui lòng sử dụng Dịch vụ International Mail My-page Service để gửi những dữ liệu này.

**\*Nếu những dữ liệu này được cơ quan hải quan của quốc gia, khu vực nhận hàng xác định là không đầy đủ hoặc không chính xác thì có nguy cơ bưu phẩm sẽ bị trì hoãn hoặc bị trả lại (trong trường hợp này, bưu phí sẽ không được hoàn trả).** Vui lòng nhập dữ liệu chính xác và chi tiết.

Compreendo a obrigação de enviar EAD e a recomendação de enviar códigos HS aos estados-membros da UE e outros, conforme mencionado acima. Tôi hiểu nghĩa vụ gửi EAD và khuyến nghị gửi mã HS cho các nước thành viên Liên minh Châu Âu, v.v. nói trên.

### Bens Perigosos para Transporte Aéreo / Các vật nguy hiểm đối với đường hàng không

Eu conheço todo o conteúdo dos itens da mercadoria e todo o conteúdo está especificado na lista de descrição de conteúdo do rótulo.

Tôi biết rõ cụ thể và đã ghi nội dung tất cả các hàng hóa gửi đi lên nhãn kê khai nội dung bưu phẩm.

Confirmo que não há nenhuma mercadoria que seja proibida e que tudo está de acordo com os regulamentos de envio do país de destino.

Tôi xác nhận rằng kiện hàng không chứa bất cứ vật cấm gửi qua đường bưu điện nào và đáp ứng các điều kiện của quốc gia gửi đến.

Eu sei o que é o transporte aéreo de mercadorias perigosas (verifique abaixo e a parte de trás para referência), e confirmo que na mercadoria não há nenhum desses artigos.

Tôi hiểu thế nào là vật nguy hiểm đối với vận chuyển hàng không (tham khảo bên dưới và mặt sau) và xác nhận rằng không gửi bất cứ vật nguy hiểm nào bằng đường hàng không.

Lata de Spray Lon xịt	Protetor Solar* <sup>1</sup> Kem chống nắng* <sup>1</sup>	Tônico Capilar* <sup>1</sup> Thuốc mọc tóc* <sup>1</sup>	Cigarro Eletrônico Thuốc lá điện tử	Perfume* <sup>1</sup> Nước hoa* <sup>1</sup>
Manicure* <sup>1</sup> Sơn móng tay* <sup>1</sup>	Fogos de Artifício, Bombinha de Estalo Pháo hoa, pháo cracker	Bebida Alcoólica* <sup>2</sup> Đồ uống có chứa cồn* <sup>2</sup>	Bateria de Celular Sạc pin di động	Fones de ouvido sem fio Tai nghe không dây Caixa de carregamento Hộp sạc

※1 Produtos com o ponto de inflamação abaixo de 60°C. Vật có điểm bốc cháy từ 60°C trở xuống

※2 Produtos que têm o índice de álcool acima de 24%. Vật có nồng độ cồn cao hơn 24%

\*Se a mercadoria não puder ser enviada para o destinatário porque se enquadra como transporte aéreo de mercadoria perigosas, ou como itens proibidos ou que não estão de acordo com os regulamentos de envio do país de destino, como regra **o valor já pago no correio não poderá ser reembolsado.**

\*Trong trường hợp không thể chuyển phát bưu phẩm do có chứa vật cấm hay vật nguy hiểm hoặc không đáp ứng các điều kiện gửi hàng của quốc gia gửi đến thì về nguyên tắc **phí chuyển phát không được hoàn trả lại.**

\*O transporte aéreo de mercadorias perigosas e de artigos proibidos **poderão** resultar em penalidade criminal.

\*Tôi hiểu rằng tôi sẽ trở thành **đối tượng bị xử phạt hình sự** nếu tôi gửi vật cấm qua đường bưu điện hoặc vật nguy hiểm bằng đường hàng không.

### Obrigaçao de notificar a alfândega / Nghĩa vụ khai báo hải quan

Verifique se o valor total não ultrapassa (\*) de **200 mil ienes.**

(\*) Se mais de uma mercadoria estiver sendo enviada para o mesmo destinatário, o valor total será da soma de todos os artigos.

Tổng giá trị (\*) của các nội dung bưu phẩm có vượt quá **200.000 yên** không?

(\*) Tổng giá trị tính cho tất cả các kiện hàng được gửi đến cùng một địa chỉ.

Excede  
200 mil ienes.  
Vượt quá  
200.000 yên

O valor é abaixo  
de 200 mil ienes.  
Từ 200.000 yên  
trở xuống

Marque uma das caixas de seleção. / Vui lòng chọn một trong các ô kiểm.

Data (data de envio)  
Ngày tháng năm

Assinatura  
Ký tên

# Exemplo de Principais Artigos Considerados Bens Perigosos para Transporte Aéreo

## Ví dụ các vật nguy hiểm phổ biến với đường hàng không

Artigos que ameacem a segurança de voo de uma aeronave, que possam apresentar risco para uma aeronave ou para aeroportos e outras instalações destinadas à aviação, ou que possam causar danos à saúde de passageiros, tripulação ou funcionários do aeroporto são considerados "artigos perigosos para transporte aéreo", conforme regulamentado pelas normas relacionadas à Lei da Aviação.

Theo quy định liên quan đến Luật Hàng không, những vật đe dọa an toàn vận hành của máy bay, những vật có thể gây nguy hiểm cho máy bay cũng như các cơ sở hàng không và những vật có thể gây hại đến sức khỏe của hành khách, nhân viên trên máy bay và nhân viên làm việc tại sân bay, v.v... gọi là "Vật nguy hiểm với đường hàng không".

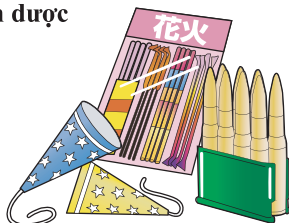
Por exemplo, não se pode tentar enviar:  
Ví dụ, không thể gửi những vật sau đây.



### 1 Explosivos Các loại thuốc nổ

Fogos de Artifício  
Bombinha de Estalo  
Munição

Pháo hoa  
Pháo cracker  
Đạn dược



### 2 Gás comprimido Ga áp suất cao

Refil de Gás para Isqueiros  
Cilindro de Mergulho  
Gás para Acampamento  
Gás para Fogão Portátil  
Latas de Apray  
Extintor de Incêndio

Ga nạp cho bật lửa  
Bình lặn  
Bình ga dùng khi cắm trại  
Bình ga dùng cho bếp ga mini  
Lon xịt  
Bình cứu hỏa



### 3 Líquidos Inflamáveis Chất lỏng gây cháy

Perfume<sup>\*1</sup>  
Manicure<sup>\*1</sup>  
Tintas  
Tônico Capilar<sup>\*1</sup>  
Fluido líquido Para Isqueiro  
Bebida Alcoólica<sup>\*2</sup>  
Protetor Solar<sup>\*1</sup>

Nước hoa<sup>\*1</sup>  
Sơn móng tay<sup>\*1</sup>  
Các loại sơn  
Thuốc mọc tóc<sup>\*1</sup>  
Nhiên liệu cho bật lửa  
Đồ uống có chứa cồn<sup>\*2</sup>  
Kem chống nắng<sup>\*1</sup>

<sup>\*1</sup> Produtos com o ponto de inflamação abaixo de 60°C.

<sup>\*2</sup> Produtos que têm o índice de álcool acima de 24%.

<sup>\*1</sup> Vật có điểm bốc cháy từ 60°C trở xuống

<sup>\*2</sup> Vật có nồng độ cồn cao hơn 24%



### 4 Materiais inflamáveis Các vật gây cháy

Fósforos  
Carvão  
Điêm  
Than



### 5 Substâncias oxidáveis Các vật chất có tính oxy hóa

Gerador de oxigênio portátil  
Agentes peroxidáveis/Branqueadores

Bình oxy cỡ nhỏ  
Peroxide/Thuốc tẩy



### 6 Substâncias venenosas Các loại chất độc

Inseticidas  
Pesticidas\*Nota 1

Thuốc diệt côn trùng  
Nông dược \* Chú thích 1



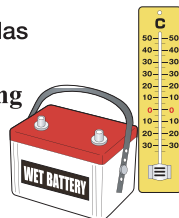
### 7 Substâncias radioativas Vật chất có tính phóng xạ

\*Nota 2  
\* Chú thích 2



### 8 Substâncias corrosivas Vật chất ăn mòn

Baterias líquidas  
Mercúrio  
Ắc quy thể lỏng  
Thủy ngân



### 9 Outros pertences nocivos Các vật độc hại khác

Cigarro Eletrônico  
Bateria de Celular  
Baterias de lítio \*Nota 3  
Motores

Thuốc lá điện tử  
Sạc pin di động  
Pin Lithium \* Chú thích 3  
Động cơ

Outros,  
Gelo seco, amianto,  
narcóticos que possam  
causar desconforto,  
agentes tóxicos, etc.  
Ngoài ra còn có băng khô,  
a-mi-ăng và những vật chất  
có đặc tính gây mê và độc hại  
gây khó chịu cho con người

※ Itens perigosos para a aviação não podem ser enviados por qualquer tipo de serviço postal (carta/cartão postal, pacotes pequenos, EMS) ou método de entrega (correio aéreo, SAL, via marítima).

Không thể gửi hàng hóa nguy hiểm cho hàng không bất kể là loại bưu phẩm nào (bưu phẩm thường, bưu kiện, bưu phẩm EMS) và bất kể phương tiện vận chuyển nào (hàng không, SAL, đường biển).

\*Nota 1 e 2: Com relação a substâncias infecciosas e substâncias radioativas, exceto quando o envio atende as normas do serviço postal internacional.

\*Nota 3: Aparelhos que já vem com bateria de lítio (apenas para itens que atendam as condições necessárias) podem ser enviados pelo serviço de postagem internacional. (apenas para alguns países e regiões)

\* Chú thích 1 và 2: Đối với vật chất có tính truyền nhiễm và vật chất có tính phóng xạ, ngoại trừ những thứ được gửi theo quy định của những điều khoản về bưu chính quốc tế.

\* Chú thích 3: Pin Lithium (chỉ giới hạn đối với loại đạt được một số điều kiện nhất định) lắp vào máy móc có thể gửi bằng bưu chính quốc tế. (Chỉ giới hạn đối với một số quốc gia, khu vực.)